TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 43 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2019
Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị N và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Tiến
2. Bà Phạm Hồng Thiêm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 139a/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt_
Địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: Xã B, thị xã A, tỉnh Bình Dương
Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 15/7/2011 tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình bố mẹ chồng, đến tháng 5 năm 2012 anh Q đi lao động tại nước ngoài, do xa cách tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, vì quá khó khăn chị mang con gái đi khỏi gia đình nhà chồng và sống ly thân với anh Q từ tháng 6/2015 đến nay. Vì thời gian sống ly thân đã rất lâu gần 8 năm nên tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn quan tâm đến anh nên chị xin ly hôn anh Q.

Chị và anh Q có 1 con chung là Hoàng Thị Bình M sinh ngày 30/9/2011.

Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Hoàng Văn Q trình bày:

Anh và chị N kết hôn là hoàn toàn tự nguyện tại UBND G, huyện T, tỉnh Thái Bình, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc, sau đó anh đi lao động tại nước ngoài

chị N ở nhà với bố mẹ đẻ anh, anh không hiểu nguyên nhân vì sao chị N xin phép đưa con M về ông bà ngoại để nghỉ hè từ tháng 6/2015 đến nay không về gia đình anh nữa. Khi anh về nước anh đã đi gặp chị để khuyên can đoàn tụ cùng anh, chị N vẫn cương quyết không về, nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì con, không đồng ý ly hôn vì chị N bạc nghĩa.

Về con chung: Anh xác định có một con chung là Hoàng Thị Bình M sinh ngày 30/9/2011. Hiện con M đang ở cùng chị N, ly hôn anh nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh chị không có tài sản chung, không vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2019, bố mẹ đẻ anh Q trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng có nguyên nhân từ việc anh Q đi lao động nước ngoài đến năm 2015 anh Q về nước, còn chị N đã về nhà bố mẹ đẻ chị N sống từ năm 2015 đến nay, ông xác định mâu thuẫn do hai bên không thông cảm và không hiểu nhau. Anh chị đều đủ 18 tuổi nên tự quyết định hôn nhân của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn với anh Q. Chấp nhận đề nghị của chị N giao con chung là Hoàng Thị Bình M sinh ngày 30/9/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Q có đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy hai bên đều thừa nhận mỗi người sống một nơi, đều xác định không rõ mâu thuẫn, nhưng thời gian sống ly thân từ năm 2015 đến nay nên tình cảm vợ chồng phai nhạt là sự thật, không ai còn quan tâm đến ai, anh Q không đồng ý ly hôn vì thương con. Mặt khác chị N vẫn kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng có đủ căn cứ để xác định mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài vì vậy căn cứ Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh Q

[3] Về con chung: Xét yêu cầu giải quyết về con chung của hai bên đương sự thì thấy anh Q không chứng minh điều kiện về thu nhập để nhận nuôi con. anh xác định con chung đang sống với chị N, hiện nay cháu trên 7 tuổi có đơn xin ở với mẹ vì

cháu đang theo học tại trường Tiểu học A tỉnh Bình Dương, chị N cung cấp mức lương trung bình là 15.000.000đồng/1 tháng tại Công ty TNHH MTV SXTM và DV H có trụ sở tại tỉnh Bình Dương. Hội đồng xét thấy cháu Minh là cháu gái đang tuổi phát triển giới tính nữ vì vậy cần giao cháu Minh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hai bên đương sự có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điều 51, điều 56. điều 81, điều 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn Q

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Hoàng Thị Bình M sinh ngày 30/9/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Hai bên đương sự có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001834 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy sang thi hành án

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, vắng mặt các đương sự báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thái Thuỵ;
- Chi cục THADS huyện Thái Thuỵ;
- Các đương sự;
- UBND xã G, huyện T, tỉnh Thái Bình
- Lưu hồ sơ;
-Lưu văn phòng.